

Phương pháp học tập và những khó khăn trong học ngoại ngữ của sinh viên khiếm thị tại bậc đại học

Đỗ Trọng Hoàng*

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
Received: 6/12/2023; Accepted: 22/12/2023; Published: 05/01/2024

Abstract: Today, learning foreign languages is considered one of the decisive factors contributing to a person's integration and success and is becoming increasingly popular. In fact, it appears not to be problematic for the majority of students to satisfy the foreign language requirement at the tertiary level. However, a certain number of students with learning disabilities, especially those who are suffering from dyslexia or hearing and vision impairment, are finding it extremely challenging in their learning process. This article describes the special learning methods and difficulties they encounter during the process of learning a foreign language.

Keywords: Learning disabilities, inclusion in language teaching, diversity in language programs

1. Đặt vấn đề

Thế kỷ 21 mở ra với thời kỳ hội nhập và phát triển, mở ra nhiều cơ hội mới đồng thời cũng đặt ra nhiều thử thách mới. Và tất nhiên, cây cầu nối chúng ta với nhau chính là ngoại ngữ. Đúng vậy, ngoại ngữ giống như thứ vũ khí tối tân mà bất cứ ai cũng nên có để vừa tự phát triển bản thân, vừa hòa mình hội nhập cùng thế giới. Chính vì vậy mà nhu cầu học ngoại ngữ ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, một vấn đề được đặt ra ở đây là trong xã hội, vẫn còn những hoàn cảnh khó khăn để có thể tiếp cận với việc học ngoại ngữ. Đó chính là những người khiếm thị, những đôi mắt kém may mắn thiếu đi ánh sáng. Họ trong đó đại diện nổi bật nhất chính là những sinh viên khiếm thị vẫn có nhu cầu học ngoại ngữ, trau dồi và cải thiện các kỹ năng tiếng của mình giống như bao người khỏe mạnh khác. Học tập và nâng cao ngoại ngữ không chỉ là nhu cầu và nhiệm vụ của một cá nhân nào mà là của cả cộng đồng, bao gồm cả người khiếm thị.

Đi đôi với việc học ngoại ngữ của người khiếm thị chính là những khó khăn và thử thách. Để có cơ hội được tiếp xúc với ngoại ngữ, được tiếp thu thêm nhiều tri thức, người khiếm thị luôn gặp phải rất nhiều khó khăn và rào cản trong quá trình thực hành tiếng. Hơn thế, chúng ta đang ở thời đại mà cuộc cách mạng công nghệ 4.0 chiếm vai trò quan trọng trong các lĩnh vực, bao gồm cả giáo dục và phương thức học tập ngoại ngữ: vậy nhưng, áp dụng công nghệ vào việc học tập ngoại ngữ lại một lần nữa đặt ra thử thách lớn cho người khiếm thị.

Bên cạnh đó, người khiếm thị vẫn đã, đang tạo nên được những thành công nhất định trong quá trình

học tập ngoại ngữ. Họ nhận ra được những vấn đề bản thân gặp phải trong quá trình thực hành tiếng, và từ đó tìm ra được hướng giải quyết hiệu quả nhất, những phương pháp học tập riêng, phù hợp với bản thân để không ngừng phát triển vốn kiến thức ngoại ngữ của mình.

Nhận thức được rất rõ vấn đề trên, tôi đã chọn đề tài: “Phương pháp học tập và những khó khăn trong việc học ngôn ngữ của sinh viên khiếm thị tại bậc Đại học” làm đề tài nghiên cứu khoa học. Đối tượng nghiên cứu chính của đề tài là sinh viên khiếm thị của một số trường Đại học có đào tạo chuyên ngành ngoại ngữ. Hoạt động học tập và thực hành tiếng đối với sinh viên gồm: việc học trên lớp kết hợp với tự học. Trong đó tập trung vào 4 kỹ năng chính: nghe, nói, đọc viết. Ngoài ra, còn đẩy mạnh phát triển những hoạt động làm bài tập, dự án theo nhóm. Từ đó, nhóm tập trung nghiên cứu vào những phương pháp học tập cũng như khó khăn mà sinh viên khiếm thị gặp phải.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp học tập ngoại ngữ của sinh viên khiếm thị tại bậc Đại học

Phương pháp học tập với 4 kỹ năng chính trong việc học ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết

Kỹ năng nghe: sinh viên chủ yếu sử dụng các ứng dụng thịnh hành (Youtube, Ted Talks) hoặc kênh nước ngoài phổ biến (CNN, ABC NEWS, VOA Special English) để đa dạng các nguồn nghe tiếng và luyện tập tổng giọng.

Kỹ năng nói:

60% sinh viên sử dụng phương pháp trò chuyện

trên lớp, học nhóm thảo luận với bạn bè bằng tiếng Anh.

40% sinh viên tự ghi âm luyện nói theo các mẫu đề có sẵn rồi gửi cho giáo viên kiểm tra.

Kỹ năng đọc: chủ yếu tận dụng việc đọc báo nước ngoài nhằm tăng vốn từ vựng và ngữ pháp. Bên cạnh đó sinh viên còn luyện tập bằng bài tập đọc hiểu (reading).

Kỹ năng viết: 60% sinh viên chọn lọc các đề mẫu cũng như là bài viết mẫu để lấy ý tưởng, sau đó tự luyện viết và nhờ các giảng viên chữa lỗi.

2.2. Phương pháp học tập trên lớp:

2.2.1. Cách tiếp cận và tiếp thu bài giảng của giảng viên trên lớp:

Mức độ tiếp thu bài giảng của giảng viên:

80% sinh viên hoàn toàn tiếp thu được bài giảng và 20% sinh viên có tiếp thu được nhưng ít (trong trường hợp bài giảng chủ yếu hoạt động trên bảng hoặc máy chiếu).

Cách sinh viên tương tác với giảng viên:

75% sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trong lớp, tập trung lắng nghe, chủ động ý kiến hỏi bạn bè và giảng viên nếu không hiểu hoặc không nghe rõ

25% sinh viên còn ngại vấn đề chủ động ý kiến hỏi quá nhiều lần trong lớp vì sợ gây mất tập trung của cả bạn bè và thầy cô.

Mức độ hiệu quả của việc sử dụng giáo trình (bản mềm) nhà trường và giảng viên cung cấp:

80% sinh viên có cảm thấy hiệu quả trong việc sử dụng giáo trình bản mềm. Thậm chí độ hiệu quả còn có thể được nâng cao nếu sinh viên đọc trước giáo trình trước khi đến lớp.

20% sinh viên cảm thấy không hoàn toàn hiệu quả khi sử dụng giáo trình trên lớp do việc kết hợp đồng thời đọc giáo trình và nghe giảng viên giảng bài khá khó.

2.2.2. Cách tiếp cận và tiếp thu bài giảng khi giảng viên sử dụng máy chiếu và ứng dụng công vào việc giảng dạy trên lớp:

Mức độ hiệu quả của việc giảng viên sử dụng máy chiếu và ứng dụng công vào việc giảng dạy trên lớp:

30% sinh viên cảm thấy không linh hoạt được toàn bộ nội dung trên máy chiếu do khả năng thị lực kém.

30% sinh viên cảm thấy có hiệu quả ít và tiếp thu được ít.

40% sinh viên cảm thấy có hiệu quả trong trường hợp giảng viên gửi bài giảng trong slide trước hoặc sau buổi học, cùng với sự giúp đỡ của bạn bè trên lớp trong việc đọc nội dung slide).

Cách tiếp cận khi giảng viên sử dụng công nghệ vào bài giảng: chủ yếu sử dụng máy tính và phần mềm đọc màn hình để đọc slide trước và sau buổi học.

2.2.3. Cách thực hành bài tập nhóm với các sinh viên khác trong lớp:

Mức độ hiệu quả đối với thực hành bài tập nhóm với các sinh viên khác trong lớp: 100% sinh viên cho rằng có hiệu quả và có thể phối hợp làm việc với các sinh viên khác .

Các hoạt động cụ thể mà các sinh viên khiếm thị thường được phân công:

Đánh máy và thuyết trình (hạn chế việc thiết kế slide).

Tham gia đóng góp ý kiến (nhưng còn hạn chế do không có sự tiếp cận thông tin một cách sát sao nhất, ví dụ như trong sách giáo khoa không có bản mềm).

2.2.4. Cách sử dụng công nghệ vào việc hoàn thành các project/assignment theo nhóm/cá nhân.

100% sử dụng máy tính và thiết bị di động có phần mềm đọc máy tính như JAWS, English 123.

Bên cạnh đó sinh viên có sự sử dụng mail thường xuyên mà không cần sự hỗ trợ từ người khác.

2.3. Những khó khăn của sinh viên khiếm thị trong việc học ngoại ngữ tại các trường đào tạo ngoại ngữ.

2.3.1. Khó khăn trong thực hành tiếng với 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết:

Nhìn chung, việc khảo sát các sinh viên khiếm thị của những trường được khảo sát đều đưa ra kết quả khá tương đồng, với 100% tỉ lệ sinh viên đều gặp khó khăn trong 4 kỹ năng cơ bản của bộ môn thực hành tiếng, 60% trong số đó cho rằng bản thân họ gặp ít khó khăn, 40% còn lại nhận định rằng bản thân gặp rất nhiều khó khăn mà chưa thể khắc phục được.

Với kỹ năng đọc: Đại bộ phận sinh viên khiếm thị đều nhấn mạnh việc gặp khó khăn trực tiếp trong kỹ năng đọc, với 10 trên 12 sinh viên nhận định rằng khả năng đọc hiểu của bản thân còn rất nhiều hạn chế. Có rất nhiều nguyên nhân được đưa ra, trong đó nguyên nhân trực tiếp và phổ biến nhất là do thị lực kém (chiếm 80% trong khảo sát) và mất hoàn toàn khả năng nhìn nhận (chiếm 20% của khảo sát).

Đối với sinh viên khiếm thị, việc hoàn thành các bài đọc dài trong khoảng thời gian quy định (ví dụ như trong giờ kiểm tra, hoạt động nhóm) thường không khả thi, do mất rất nhiều thời gian trong việc tiếp nhận thông tin từ đề bài. Họ gặp các hạn chế như đọc chậm, không thể áp dụng các kỹ năng đọc cơ bản, đọc nhanh (skimming và scanning, tạm dịch: đọc lướt và đọc tìm ý) vào bài đọc.

Ngoài ra, việc tìm và nhấn mạnh các ý chính của bài đọc (highlight) tốn nhiều thời gian hơn so với các sinh viên khác, có trường hợp còn cần phải sử dụng phần mềm soạn thảo song song với việc đọc để có thể nắm bắt được thông tin của bài một cách thực sự rõ ràng và chi tiết.

2.3.2. Với kỹ năng nghe:

Do ảnh hưởng từ thị lực kém, kỹ năng nghe cũng là một trong những kỹ năng được cho là gặp nhiều khó khăn nhất của các bạn sinh viên khiếm thị. Hầu hết các đối tượng khảo sát đều cho rằng nguyên nhân là do bản thân gặp khó khăn trong việc đọc khẩu hình của người khác, cũng như việc đọc hiểu yêu cầu của đề bài nghe (chiếm 80%).

Tốc độ của tài liệu nghe (file audio) quá nhanh, nên khi nghe thường bỏ sót thông tin. Khi kết thúc bài nghe, một số sinh viên chỉ có thể dự đoán hoặc làm câu trả lời dựa theo trí nhớ của bản thân, nên gặp khá nhiều hạn chế.

Việc đọc đề trong khi đang nghe thường bất khả thi, vì vậy nên một số sinh viên (chiếm 20% của khảo sát) đã phải chuẩn bị và ghi nhớ yêu cầu của đề bài trước khi nghe. Việc này đôi khi xảy ra nhầm lẫn và hạn chế việc ghi nhớ các thông tin khác.

Ngoài ra, việc tìm hiểu các tài liệu, các nguồn thông tin khác qua việc nghe cũng còn nhiều bất cập. Trường hợp của một đối tượng khảo sát cho rằng bản thân bị hạn chế trong tiếp xúc với các thông tin, phương tiện truyền thông dạng nghe nói vì các phương tiện này thường không có phụ đề (transcript).

2.3.3. Với kỹ năng viết:

Tuy còn vẫn còn nhiều bất cập nhưng kỹ năng viết đã ít nhiều được khắc phục bởi các sinh viên khiếm thị trường Đại học Ngoại ngữ: với 40% trong tổng số đối tượng khảo sát cho rằng mình chỉ gặp một số vấn đề nhỏ với kỹ năng này, 60% còn lại dường như không gặp khó khăn gì. Việc sử dụng phần mềm trợ thị và máy tính xách tay để gõ văn bản đã khắc phục khả năng nhìn kém của các đối tượng tham gia khảo sát:

Thường gặp các lỗi sai chính tả do không sử dụng được các phần mềm kiểm tra (check) trên các công cụ soạn thảo văn bản.

Ngoài ra còn một số khó khăn khách quan như không được tiếp cận nhiều với các tài liệu hỗ trợ từ nhà sách hay thư viện, hoặc không thể sử dụng các tài liệu mà không có bản mềm.

Do ít bị ảnh hưởng bởi thị lực kém, kỹ năng nói cũng là một trong những kỹ năng được phản ánh là ít khó khăn hơn cả, với 60% tổng đối tượng khảo sát

cho rằng bản thân không gặp khó khăn gì trong thực hành nói.

Việc không thể nhìn thấy khẩu hình miệng khi phát âm đã hạn chế khả năng phát âm chuẩn trong học ngoại ngữ. Đa số các đối tượng cho rằng bản thân chỉ có thể nghe và bắt chước theo, không thực sự nắm được cách phát âm đúng bằng việc điều chỉnh miệng, lưỡi và họng.

Việc ít tiếp cận với tài liệu cũng là một trong những yếu tố khiến thực hành kỹ năng nói của sinh viên khiếm thị gặp nhiều khó khăn.

Đối với các dạng kỹ năng yêu cầu sự sáng tạo và ý kiến từ bản thân người học như nghe và nói, các sinh viên khiếm thị thường không gặp khó khăn nhiều do không quá lệ thuộc vào các yếu tố khách quan như đề bài và đoạn ghi âm (recording).

3. Kết luận

Ngoại ngữ được xem như một yếu tố quyết định thành công của một người. Giờ đây, ngoại ngữ không chỉ còn là công cụ, mà còn là cách truyền đạt cảm, giao tiếp, giao lưu giữa các nền văn hóa với nhau. Không một ai có thể phủ nhận được tầm quan trọng của ngoại ngữ. Từ đó mà nhu cầu tìm hiểu và học tập ngoại ngữ càng tăng lên. Và không chỉ nguyên những người khỏe mạnh bình thường, mà ngay cả những số phận kém may mắn hơn, đánh mất khả năng thị lực cũng có nhu cầu tiếp cận với ngoại ngữ. Điều đó phần nào được chứng tỏ ở sự thành công, quyết tâm vượt mọi khó khăn để học tập thật tốt ngoại ngữ của sinh viên khiếm thị tại bậc Đại học. Chính họ đã tự vượt qua số phận, vươn lên, cố gắng học hỏi và trau dồi thêm vốn kiến thức ngoại ngữ của mình dù có gặp rất nhiều khó khăn trong suốt quá trình học tập.

Tài liệu tham khảo

1. ACTFL. (2012). Diversity and inclusion in language programs. Retrieved March 15, 2013, from <http://www.actfl.org/news/position-statements/diversity-and-inclusion-language-programs>
2. Arries, J. (1999). Learning disabilities and foreign languages: A curriculum approach to the design of inclusive courses. *Modern Language Journal*, 83, 98–110. doi:10.1111/0026-7902.00008
3. Duvall, E. (2006). Including students with disabilities in a foreign language classroom. *Teaching Exceptional Children*, 58, 42–48.
4. Trinh, B.T.T (2012), Nguồn tin cho người khiếm thị Việt Nam - Thực trạng và phát triển, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội.